

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2017)
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Chương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Đức Thuận**  
**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2017*

Số: 214 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 01 tháng 8 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>233.708.078.009</b>	<b>185.980.297.340</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>90.568.419.017</b>	<b>145.513.551.767</b>
1. Tiền	111		30.568.419.017	55.513.551.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	90.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>123.498.994.533</b>	<b>39.394.227.269</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	77.798.583.687	24.534.664.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	45.180.310.846	14.183.730.538
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	520.100.000	675.832.333
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>19.093.193.711</b>	<b>290.498.100</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.093.193.711	290.498.100
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>547.470.748</b>	<b>782.020.204</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	547.470.748	782.020.204
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.862.554.832</b>	<b>38.532.573.577</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>880.362.000</b>	<b>880.362.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	880.362.000	880.362.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.556.448.442</b>	<b>35.167.418.098</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.522.806.499	17.842.067.927
- Nguyên giá	222		34.843.282.280	34.469.016.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.320.475.781)	(16.626.948.153)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	17.033.641.943	17.325.350.171
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.174.185.057)	(2.882.476.829)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.425.744.390</b>	<b>2.484.793.479</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.425.744.390	2.484.793.479
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>270.570.632.841</b>	<b>224.512.870.917</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.287.937.841</b>	<b>65.014.096.930</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.287.937.841</b>	<b>65.014.096.930</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	56.563.783.572	37.654.267.859
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	16.075.515.103	16.082.439.293
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.083.923.265	1.755.935.452
4. Phải trả người lao động	314		7.231.407.297	5.082.664.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		984.344.264	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.268.092.920	993.502.694
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	19.200.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.880.871.420	3.445.287.185
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>156.282.695.000</b>	<b>159.498.773.987</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>156.282.695.000</b>	<b>159.498.773.987</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.495.565.686	18.711.644.673
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.961.644.673	11.850.254.796
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.533.921.013	6.861.389.877
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>270.570.632.841</b>	<b>224.512.870.917</b>



**Trần Hữu Long**  
Người lập biểu



**Nguyễn Xuân Đạt**  
Kế toán trưởng



**Lê Đức Thuận**  
Giám đốc

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	<b>1.136.783.310.742</b>	<b>1.204.135.151.164</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	15.199.637.190	7.526.800.043
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>1.121.583.673.552</b>	<b>1.196.608.351.121</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.081.788.100.536	1.150.604.810.409
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>39.795.573.016</b>	<b>46.003.540.712</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.458.416.726	231.978.063
7. Chi phí tài chính	22		8.507.808	91.366.458
8. Chi phí bán hàng	25	23	16.605.102.533	18.424.746.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	15.207.554.095	16.058.555.938
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>9.432.825.306</b>	<b>11.660.849.474</b>
11. Thu nhập khác	31		-	3.626.814.307
12. Chi phí khác	32		362.197.614	779.976.636
<b>13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>24</b>	<b>(362.197.614)</b>	<b>2.846.837.671</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.070.627.692</b>	<b>14.507.687.145</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.085.406.249	2.901.582.908
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>6.985.221.443</b>	<b>11.606.104.237</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	443	743



**Trần Hữu Long**  
Người lập biểu



**Nguyễn Xuân Đạt**  
Kế toán trưởng



**Lê Đức Thuận**  
Giám đốc

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.070.627.692</b>	<b>14.507.687.145</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.985.235.856	2.991.552.880
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.382.771.122)	(2.419.603.260)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.673.092.426</b>	<b>15.079.636.765</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(84.616.600.597)	(57.802.206.954)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(18.802.695.611)	21.537.142.219
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	30.249.314.344	110.345.382.674
Thay đổi chi phí trả trước	12	293.598.545	2.035.716.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.887.896.917)	(3.295.878.295)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	44.500.000	846.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.060.216.195)	(4.084.605.842)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(67.106.904.005)</b>	<b>84.661.686.604</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(374.266.200)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	12.067.597.231
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.894.604.455	175.999.722
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.520.338.255</b>	<b>12.243.596.953</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.200.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.558.567.000)	(9.160.007.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.641.433.000</b>	<b>(9.160.007.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(54.945.132.750)</b>	<b>87.745.276.557</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>145.513.551.767</b>	<b>89.228.340.732</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>90.568.419.017</b>	<b>176.973.617.289</b>

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN  
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 75 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có bốn (4) chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Nông và Tây Ninh.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017**  
**đến ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

### **Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	78.593.646	85.167.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.289.825.371	55.428.384.335
Tiền đang chuyển	19.200.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	90.000.000.000
	<b>90.568.419.017</b>	<b>145.513.551.767</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2% đến 5,3%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	19.347.495.087	5.389.835.667
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	15.895.482.110	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	14.594.240.100	1.210.144.325
Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	10.513.275.260	5.632.908.601
Các khách hàng khác	17.448.091.130	12.301.775.805
	<b>77.798.583.687</b>	<b>24.534.664.398</b>
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>4.352.030.448</b>	<b>3.419.544.023</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	33.068.486.200	14.173.291.208
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh T.	9.870.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.241.824.646	10.439.330
	<b>45.180.310.846</b>	<b>14.183.730.538</b>
<b>Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>33.068.486.200</b>	<b>14.173.291.208</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	153.999.000
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	520.100.000	10.000.000
Các đối tượng khác	-	511.833.333
	<b>520.100.000</b>	<b>675.832.333</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ	880.362.000	880.362.000
	<b>880.362.000</b>	<b>880.362.000</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	18.431.647.629	-	152.939.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	661.546.082	-	137.558.300	-
<b>Cộng</b>	<b>19.093.193.711</b>	<b>-</b>	<b>290.498.100</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>547.470.748</b>	<b>782.020.204</b>
Chi phí biển hiệu đại lý	-	465.075.420
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	10.754.384	316.944.784
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	536.716.364	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.425.744.390</b>	<b>2.484.793.479</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng	77.417.997	926.675.878
Chi phí biển hiệu đại lý	230.791.347	307.158.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.117.535.046	1.250.959.131
	<b>2.973.215.138</b>	<b>3.266.813.683</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	28.200.720.133	128.128.000	4.659.928.547	1.480.239.400	34.469.016.080
Mua trong kỳ	-	-	206.250.000	168.016.200	374.266.200
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.200.720.133</b>	<b>128.128.000</b>	<b>4.866.178.547</b>	<b>1.648.255.600</b>	<b>34.843.282.280</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	12.492.596.518	21.413.171	2.757.104.881	1.355.833.583	16.626.948.153
Khấu hao trong kỳ	1.399.454.327	10.589.574	229.181.930	54.301.797	1.693.527.628
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.892.050.845</b>	<b>32.002.745</b>	<b>2.986.286.811</b>	<b>1.410.135.380</b>	<b>18.320.475.781</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	<b>15.708.123.615</b>	<b>106.714.829</b>	<b>1.902.823.666</b>	<b>124.405.817</b>	<b>17.842.067.927</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>14.308.669.288</b>	<b>96.125.255</b>	<b>1.879.891.736</b>	<b>238.120.220</b>	<b>16.522.806.499</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.230.265.448 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.175.015.445 đồng).

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	2.827.226.829	55.250.000	2.882.476.829
Khấu hao trong kỳ	291.708.228	-	291.708.228
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.118.935.057</b>	<b>55.250.000</b>	<b>3.174.185.057</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	<b>17.325.350.171</b>	<b>-</b>	<b>17.325.350.171</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>17.033.641.943</b>	<b>-</b>	<b>17.033.641.943</b>



**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Số đầu kỳ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	48.952.725.000	48.952.725.000	12.121.638.575	12.121.638.575
Các nhà cung cấp khác	7.611.058.572	7.611.058.572	25.532.629.284	25.532.629.284
	<b>56.563.783.572</b>	<b>56.563.783.572</b>	<b>37.654.267.859</b>	<b>37.654.267.859</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>51.084.187.817</b>		<b>22.513.618.410</b>	

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Nhất Minh 166	6.835.200.000	39.986.975
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	3.180.390.000	4.000.000
Công ty TNHH Như Linh	2.213.028.100	238.969.100
Các khách hàng khác	3.846.897.003	15.799.483.218
	<b>16.075.515.103</b>	<b>16.082.439.293</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	143.851.087	751.450.144	530.368.572	364.932.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.488.304.685	2.085.406.249	2.887.896.917	685.814.017
Các loại thuế khác	123.779.680	903.275.481	993.878.572	33.176.589
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	123.779.680	896.275.481	986.878.572	33.176.589
<i>Thuế khác</i>	-	7.000.000	7.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.755.935.452</b>	<b>3.740.131.874</b>	<b>4.412.144.061</b>	<b>1.083.923.265</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chiết khấu bán hàng	8.400.481.150	-
Tiền cổ tức phải trả	665.112.600	473.679.600
Phải trả, phải nộp khác	202.499.170	519.823.094
	<b>9.268.092.920</b>	<b>993.502.694</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	19.200.000.000		19.200.000.000	19.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>19.200.000.000</b>	<b>19.200.000.000</b>

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín dưới hình thức tín dụng thư nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bởi các khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 02-2017/CNBT-CTCP DK Đông Nam Bộ và chịu lãi suất 7,3%/năm.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu kỳ trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>14.619.483.939</b>	<b>21.995.887.467</b>	<b>161.615.371.406</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11.606.104.237	11.606.104.237
Trích từ lợi nhuận	-	580.316.582	(4.297.215.580)	(3.716.898.998)
Trả cổ tức	-	-	(8.750.000.000)	(8.750.000.000)
<b>Tại ngày cuối kỳ trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.199.800.521</b>	<b>20.554.776.124</b>	<b>160.754.576.645</b>
<b>Tại ngày đầu kỳ này</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>18.711.644.673</b>	<b>159.498.773.987</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.985.221.443	6.985.221.443
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(1.451.300.430)	(1.451.300.430)
Trả cổ tức (i)	-	-	(8.750.000.000)	(8.750.000.000)
<b>Tại ngày cuối kỳ này</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>15.495.565.686</b>	<b>156.282.695.000</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 65/NQ-ĐNB ngày 10 tháng 4 năm 2017, cổ tức năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 18.750.000.000 đồng. Năm 2016, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 10.000.000.000 đồng, trong 6 tháng đầu năm 2017 Công ty đã chia bổ sung số cổ tức còn lại cho các cổ đông với số tiền 8.750.000.000 đồng; đồng thời, Công ty cũng thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 với số tiền là 1.451.300.430 đồng.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Số lượng quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình tại Thuyết minh số 19 và 20.

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu phân bón	1.119.683.413.000	1.103.761.529.309
Doanh thu hóa chất	5.758.629.200	94.022.300.737
Doanh thu khác	11.341.268.542	6.351.321.118
	<b>1.136.783.310.742</b>	<b>1.204.135.151.164</b>
Chiết khấu thương mại	(15.199.637.190)	(7.526.800.043)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.121.583.673.552</b>	<b>1.196.608.351.121</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>30.403.653.571</b>	<b>38.700.121.249</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Giá vốn phân bón	1.066.293.610.120	1.056.434.743.366
Giá vốn hóa chất	7.489.705.364	89.359.916.400
Giá vốn khác	8.004.785.052	4.810.150.643
	<b><u>1.081.788.100.536</u></b>	<b><u>1.150.604.810.409</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.297.682.923	3.248.446.249
Chi phí nhân công	16.077.591.090	12.541.554.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.985.235.856	2.991.552.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.755.890.052	22.628.373.648
Chi phí khác bằng tiền	200.031.291	927.531.974
	<b><u>38.316.431.212</u></b>	<b><u>42.337.459.217</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong kỳ hoạt động.

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.197.743.545	6.013.881.935
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.297.682.923	3.248.446.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.392.729.215	2.276.545.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.637.146.850	6.382.447.358
Các khoản chi phí bán hàng khác	79.800.000	503.426.050
	<b><u>16.605.102.533</u></b>	<b><u>18.424.746.905</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.879.847.545	6.527.672.531
Chi phí đồ dùng văn phòng	462.829.653	460.627.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	592.506.641	703.457.871
Thuế, phí và lệ phí	-	148.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.152.138.965	7.930.994.126
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	120.231.291	435.655.620
	<b><u>15.207.554.095</u></b>	<b><u>16.058.555.938</u></b>

**24. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	2.243.603.538
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.383.210.769
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>3.626.814.307</b>
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	779.976.636
Tiền phạt, tiền bồi thường	362.197.614	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>362.197.614</b>	<b>779.976.636</b>
<b>(LỖ)/Lợi nhuận khác</b>	<b>(362.197.614)</b>	<b>2.846.837.671</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9.070.627.692</b>	<b>14.507.687.145</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9.070.627.692</b>	<b>14.507.687.145</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.814.125.538</b>	<b>2.901.582.908</b>
Chi phí thuế phát sinh thêm do thanh tra thuế	271.280.711	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.085.406.249</b>	<b>2.901.582.908</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.985.221.443</b>	<b>11.606.104.237</b>
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.451.300.430)	(2.321.266.327)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.533.921.013</b>	<b>9.284.837.910</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>443</b>	<b>743</b>

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.131.174.000	2.142.120.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trong vòng một năm	188.529.000	2.275.920.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.327.620.000
	<b>188.529.000</b>	<b>3.603.540.000</b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 188.529.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn một năm từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 7 năm 2017.

## **28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

### ***Danh sách các bên liên quan***

#### **Bên liên quan**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí  
 - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí  
 - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chi nhánh Côn Sơn - Công ty CP Vận tải Dầu khí Cửu Long

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

#### **Mối quan hệ**

Công ty mẹ

Chi nhánh của Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty trong cùng Tập đoàn

***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>30.403.653.571</b>	<b>38.700.121.249</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.780.762.557	6.427.004.790
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	-	29.805.074.821
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	13.638.369.664	221.841.638
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	5.002.500.000	2.246.200.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	2.875.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.107.021.350	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

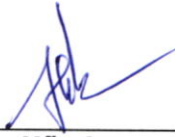
	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>1.047.490.836.844</b>	<b>988.597.780.359</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.022.050.678.021	686.156.383.966
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	20.827.940.727	299.948.364.393
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD	1.365.396.696	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	1.860.000.000
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty CP Vận tải Dầu khí Cửu Long	360.991.400	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.830.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	618.479.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	14.553.000


**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	819.429.710	832.281.880

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>4.352.030.448</b>	<b>3.419.544.023</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.946.853.560	3.093.438.463
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	383.462.420	326.105.560
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	21.714.468	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>33.068.486.200</b>	<b>14.173.291.208</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	33.068.486.200	14.173.291.208
<b>Phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>153.999.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	153.999.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>51.084.187.817</b>	<b>22.513.618.410</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	2.046.456.640	10.316.467.035
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	48.952.725.000	12.121.638.575
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD	43.206.177	-
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty CP Vận tải Dầu khí Cửu Long	41.800.000	75.512.800

  
**Trần Hữu Long**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Xuân Đạt**  
 Kế toán trưởng

  
**Lê Đức Thuận**  
 Giám đốc

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

